

Bản án số: 191/2022/HS-ST  
Ngày 22-12-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Tuyến

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Hải

Ông Nguyễn Đức Mạnh

***- Th ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Hồng PH – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 141/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2022/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2022/HSST-QĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

**1. Ngô Văn Ph**, sinh ngày X tháng X năm X tại Hải Phòng, nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở : số 19 tổ 2 H4, Q, quận H, TP Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên giao nhận vật tư; trình độ văn hóa: Lớp 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị B (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H và 2 con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 113/2019/HS-ST ngày 30/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 300 triệu đồng về tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (chưa xóa án); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2022. Có mặt.

**2. Bùi Đình Th**, sinh ngày X tháng X năm X tại Hải Phòng, nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Thôn Đ, xã T, huyện A2, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; trình độ văn hóa: Lớp 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Đình K (đã chết) và bà Vũ Thị T (đã chết); có

vợ là Phạm Thị B và 2 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2022. Có mặt.

**3. Trần Thị Lan H**, sinh ngày X tháng X năm X tại Hải Phòng; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: Thôn H, xã A, huyện A1, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên chăm sóc khách hàng; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Xuân S và bà Nguyễn Thị H; có chồng là Ngô Văn Đ và 2 con; tiền sự: Không; tiền án: Án số 113/2019/HS-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 200 triệu đồng về tội Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước (chưa xóa án); bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2022. Có mặt.

**4. Đào Đức H**, sinh ngày X tháng X năm X; nơi ĐKNKTT, chỗ ở: số X đường L, phường M, Quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên bảo vệ; Trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Ngọc B (đã chết) và bà Bùi Thị T; có vợ là Vũ Thị U và 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/01/2022. Có mặt.

#### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### **I. Hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước của Ngô Văn Ph:**

Tháng 4/2020, Ngô Văn Ph mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu của công ty Trách nhiệm hữu hạn phát triển Thương mại Q, MSDN: 0202022750 có địa chỉ trụ sở đăng ký kinh doanh tại tổ 1, phường H, quận D, TP Hải Phòng; Giám đốc công ty là Phạm Thị T, sinh năm 1975, trú tại thôn 3, xã C, huyện V, TP Hải Phòng của đối tượng tên là Hùng (không rõ địa chỉ, lai lịch) với giá 80 triệu đồng, sau đó Ph thay đổi giám đốc công ty là Q, sinh năm X, trú tại thôn V, xã Đ, huyện A1, TP Hải Phòng và đặt in 30 quyển hóa đơn giá trị gia tăng hết 8.990.000 để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (sau viết tắt là GTGT), thu lợi bất chính.

Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021, Ph thuê Trần Thị Lan H1 làm kế toán (viết hóa đơn GTGT, giao dịch ngân hàng, làm báo cáo thuế); thuê Đào Đức H giao dịch ngân hàng; thuê Bùi Đình Th chuyển, rút tiền tại ngân hàng).

Mặc dù Công ty Q không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ gì nhưng Ngô Văn Ph đã thuê người viết khống 1220 số hoá đơn GTGT (liên 2) và các chứng từ kèm theo ghi khống tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 344.743.702.804 đồng. Sau đó, Ph bán cho các đối tượng tên là Th ở Hải Phòng, C ở Bắc Ninh, C1 ở Hà Nội (chưa rõ lai lịch) với giá

0,17% số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn, thu tổng số tiền 586.064.294 đồng.

Ph khai Ph không mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá đầu vào cho công ty Q. Ph tự kê khai không số liệu tiền hàng hoá, dịch vụ mua vào và kê khai giảm số liệu hàng bán ra trên các tờ khai báo thuế để tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Số liệu tại các tài khoản ngân hàng liên quan đến công ty Q là số lượng tiền hàng hoá, dịch vụ ghi không trên các hoá đơn mà Ph đã bán trái phép.

Các chi phí phục vụ cho việc bán trái phép hóa đơn GTGT gồm: các khoản thuế đã nộp tổng cộng là 220.925.031 đồng; trả công cho H là 45 triệu đồng, trả công cho Th là 03 triệu đồng, trả công cho H là 15 triệu đồng, mua công ty hết 80.000.000 đồng, in hóa đơn hết 8.990.000 đồng.

Sau khi trừ đi các chi phí nêu trên, Ngô Văn Ph còn thu lợi bất chính là 213.149.263 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập lấy lời khai Phạm Thị T, Nguyễn Trọng Q đứng tên giám đốc công ty Q qua các giai đoạn. Phạm Thị T, Nguyễn Trọng Q giám đốc Công ty đều vắng mặt tại địa pH.

Xác minh 25 công ty sử dụng hóa đơn của Công ty Q kê khai đầu vào có 25 công ty trình bày đã mua hàng hóa, dịch vụ và được bên bán cung cấp hóa đơn, chứng từ kèm theo; 03 công ty không có hoạt động tại trụ sở đăng ký.

Xác minh trụ sở Công ty Q không có biển hiệu cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.

## **II. Hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT của Bùi Đình Th:**

### **1. Tại công ty TNHH đầu tư xây dựng Thương mại vận tải P:**

Tháng 10/2016, Th thuê đối tượng nữ tên Huyền (không rõ địa chỉ, lai lịch) làm dịch vụ thành lập công ty P có trụ sở đăng ký kinh doanh ban đầu tại số 500 Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng, Th đứng tên giám đốc, hết 5 triệu đồng. Tháng 11/2020, Th thay đổi địa chỉ đăng ký công ty tại số 577 Mạc Đăng Doanh, phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, TP Hải Phòng. Sau đó Th đặt in 20 quyển hoá đơn GTGT hết 8.822.000 đồng, mở tài khoản tại ngân hàng để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính.

Từ tháng 12/2020 đến tháng 12/2021, Th đã viết không 820 số hoá đơn GTGT và các chứng từ kèm theo ghi không tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế trên hóa đơn là 261.653.773.775 đồng. Sau đó Th bán cho các đối tượng tên là Thanh, Vũ ở Hải Phòng, Ngọc ở Hà Nội...(không xác định được lai lịch) với giá 0,13% số tiền hàng hoá, dịch vụ ghi không trên hoá đơn thu tổng số tiền 340.149.906 đồng.

Quá trình bán trái phép hóa đơn chứng từ tháng 12/2020 đến hết tháng 7/2021, Th thuê Huyền làm báo cáo thuế, nộp thuế điện tử cho Cơ quan thuế. Từ

tháng 8/2021, Th thuê một đối tượng nữ tên Thái (không rõ địa chỉ, lai lịch) làm báo cáo thuế, nộp thuế điện tử. Th trả cho Huyền, Thái mỗi người tổng cộng 5 triệu đồng. Th thuê nhà trọ làm nơi ở và cất giữ hoá đơn, con dấu, viết hoá đơn giá trị gia tăng của công ty P với giá 1,7 triệu đồng/tháng, tổng cộng Th trả tiền thuê nhà trọ hết 15,3 triệu đồng.

Th khai Th không mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá đầu vào cho công ty P mà tự kê khai khống số liệu tiền hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra trên báo cáo thuế sao cho phù hợp để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng và để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Số liệu tại các tài khoản ngân hàng liên quan đến công ty P là số lượng tiền hàng hoá, dịch vụ ghi khống trên các hoá đơn mà Th đã bán trái phép.

Các chi phí phục vụ cho việc bán trái phép hóa đơn GTGT gồm: các khoản thuế đã nộp tổng cộng là 133.934.108 đồng; thuê Huyền thành lập công ty là 5.000.000 đồng, in hóa đơn là 8.822.000 đồng, trả lương kế toán cho Huyền, Thái tổng cộng là 10.000.000 đồng, thuê nhà trọ là 15,3 triệu đồng. Sau khi trừ đi các chi phí nêu trên, Bùi Đình Th còn thu lời bất chính là 167.093.798 đồng.

Xác minh 26 công ty sử dụng hóa đơn của Công ty P kê khai đầu vào có 26 công ty trình bày đã mua hàng hóa, dịch vụ và được bên bán cung cấp hóa đơn, chứng từ kèm theo; 07 công ty không có hoạt động tại trụ sở đăng ký.

Xác minh trụ sở Công ty P không có biển hiệu cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.

## **2. Tại công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp N:**

Tháng 11/2018, Bùi Đình Th mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu và 20 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (1000 số hóa đơn) của công ty TNHH TH mại dịch vụ tổng hợp N, MSDN: 0201867392, có địa chỉ trụ sở tại số 52 T, phường M, quận N, TP Hải Phòng. Các Giám đốc công ty qua các giai đoạn là Đào Xuân T, sinh năm X, trú tại số Đ, phường L, quận N, TP Hải Phòng và Vũ Bá N, sinh năm X, trú tại số X, phường P, quận H, TP Hải Phòng của đối tượng tên Dương (không rõ địa chỉ, lai lịch) với giá 30 triệu đồng. Sau đó, Th thuê Huyền (nêu trên) làm thủ tục sang tên giám đốc là Bùi Đình Th và thuê Huyền làm báo cáo thuế, nộp thuế điện tử hàng tháng để thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính.

Th tự làm thủ tục mở tài khoản công ty tại ngân hàng, mở tờ khai thuế tại Chi Cục thuế, tự viết hoá đơn GTGT và tự chuyên, rút tiền ngân hàng. Trong thời gian từ quý 4/2018 đến quý 3/2020, Th đã bán trái phép 264 số hoá đơn GTGT với tổng số tiền hàng hoá, dịch vụ ghi khống chưa thuế trên các hoá đơn là 52.538.952.865 đồng với giá 0,25% (tức 2,5 triệu đồng/01 tỷ đồng tiền hàng hoá, dịch vụ ghi khống trên hoá đơn) cho các đối tượng tên là Thanh, Vũ ở Hải Phòng Ngọc ở Hà Nội không rõ lai lịch, thu tổng số tiền là 131.347.382 đồng.

Th khai Th không mua hoá đơn GTGT để hợp thức hoá đầu vào cho công ty N mà tự kê khai không số liệu tiền hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra trên báo cáo cáo thuế sao cho phù hợp để mua bán hóa đơn giá trị gia tăng và để tránh sự phát hiện của Cơ quan chức năng. Số liệu tại các tài khoản ngân hàng liên quan đến công ty N là số lượng tiền hàng hoá, dịch vụ ghi không trên các hoá đơn mà Th đã bán trái phép.

Các chi phí phục vụ cho việc bán trái phép hóa đơn GTGT gồm: các khoản thuế đã nộp tổng cộng là 54.871.877 đồng; tiền mua công ty và 20 quyển hóa đơn là 30.000.000 đồng, trả lương kế toán cho Huyền là 3.000.000 đồng. Sau khi trừ đi các chi phí nêu trên, Bùi Đình Th còn thu lợi bất chính là 43.475.505 đồng.

Cơ quan điều tra đã xác minh, triệu tập lấy lời khai Đào Xuân T, Vũ Bá N đứng tên giám đốc công ty N qua từng giai đoạn. Đào Xuân T, Vũ Bá N giám đốc Công ty đều vắng mặt tại địa pH.

Xác minh 05 công ty sử dụng hóa đơn của Công ty N kê khai đầu vào có 05 công ty trình bày đã mua hàng hóa, dịch vụ và được bên bán cung cấp hóa đơn, chứng từ kèm theo; 05 công ty có hoạt động tại trụ sở đăng ký.

Xác minh trụ sở Công ty N không có biển hiệu cũng như hoạt động kinh doanh của công ty.

Ngoài ra bị cáo Bùi Đình Th còn khai nhận biết rõ Ngô Văn Ph bán trái phép hóa đơn gia tăng và chứng từ thu nộp ngân sách tại Công ty Q. Từ tháng 11/2020 đến tháng 8/2021, Th đã 90 lần giúp Ph rút tiền tại công ty Q tổng cộng là 90.989.100.000 đồng. Số tiền này thuộc 300 số hóa đơn Ph đã bán với số tiền ghi không là 82.717.363.636 đồng. Th được Ph trả công 3.000.000 đồng.

Tổng cộng Bùi Đình Th đã mua 1.000 hóa đơn GTGT dạng phôi và đã bán 1.084 hóa đơn GTGT ghi không tổng số tiền hàng hoá, dịch vụ trên các hoá đơn chưa thuế là 314.192.726.640 đồng tại công ty N, P. Bùi Đình Th đã giúp sức với Ngô Văn Ph bán 300 số hóa đơn Ph đã bán với số tiền ghi không là 82.717.363.636 đồng. Thu lợi bất chính tổng số tiền 213.569.303 đồng.

### **III. Hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT của Trần Thị Lan H:**

Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021, Trần Thị Lan H1 được Ngô Văn Ph thuê làm kế toán thực hiện việc viết hóa đơn GTGT, giao dịch chuyển, rút tiền ngân hàng, làm báo cáo thuế tại Công ty Q. H1 đã viết không tổng cộng 1.220 số hoá đơn GTGT để Ph bán trái phép với tổng số tiền hàng hoá, dịch vụ chưa thuế là 344.743.702.804 đồng tại công ty Q.

H1 khai từ tháng 6/2020 đến tháng 5/2021, H1 đã trực tiếp rút tiền và đã nhờ lại chồng là Ngô Văn Đ, sinh năm 1983, trú tại thôn H, xã A, huyện A1, TP Hải Phòng đi rút tiền, nhưng H1 không nói cho Đ biết về việc mua bán hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước.

Từ tháng 6/2020 đến tháng 2/2021, H1 được Ph trả 03 triệu đồng/tháng. Từ tháng 3/2021 trở đi, H1 không rút tiền cho Ph, chỉ viết hoá đơn GTGT nên được Ph trả 02 triệu đồng/tháng. Tổng cộng H được Ph trả 45 triệu đồng.

H1 khai biết rõ việc Ngô Văn Ph bán trái phép hoá đơn GTGT tại công ty Q nhưng do ham lợi, H1 cảnh gia đình khó khăn, bản thân không có công việc và thu nhập ổn định nên vẫn thực hiện.

Lời khai của Trần Thị Lan H1, Ngô Văn Ph, Ngô Văn Đ phù hợp nhau phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Đối với Ngô Văn Đ có hành vi giúp Trần Thị Lan H1 (vợ Đ) rút tiền ở Ngân hàng tại công ty Q nhưng Ngô Văn Đ không biết H, Ph mua bán hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước nên Cơ quan điều tra xem xét không xử lý đối với Đ.

#### **IV. Hành vi mua bán trái phép hoá đơn GTGT của Đào Đức H:**

Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021, Đào Đức H được Ngô Văn Ph thuê giúp Ph làm các công việc là chuyển, rút tiền ngân hàng tại công ty Q.

H biết rõ công ty Q không có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ gì nhưng do háms lợi H vẫn chuyển, rút tiền ngân hàng tại công ty Q giúp cho Ngô Văn Ph bán trái phép hoá đơn GTGT tại công ty Q.

H đã 185 lần rút tổng cộng hơn 175.883.523.000 đồng tại công ty Q thuộc 430 hóa đơn GTGT Ph đã bán ghi khống tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 158.075.930.000 đồng. Trong số 430 hóa đơn GTGT này H đã 08 lần giao 08 số hoá đơn GTGT cho khách theo yêu cầu của Ph. H được Ph trả 03 triệu đồng/tháng. Tổng cộng Ph trả H 15 triệu đồng.

Lời khai của Đào Đức H phù hợp với lời khai của Ngô Văn Ph và tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngoài việc bán hóa đơn GTGT thu lợi bất chính, Ph khai từ 01/03/2020 đến nay Ph còn làm nhân viên giao nhận vật tư tại công ty TNHH đầu tư Thương mại và dịch vụ xây lắp điện T ở số X thôn C, xã T, huyện A1, Hải Phòng với mức lương 4 triệu đồng/tháng. Bùi Đình Th khai từ 01/12/2018 đến nay Th còn làm nhân viên bảo vệ tại Công ty TNHH dịch vụ Thương mại M ở khu Đ, Đ, quận N, Hải Phòng với mức lương 4,5 triệu đồng/tháng. Trần Thị Lan H1 khai từ 06/01/2020 đến nay H còn làm nhân viên chăm sóc khách hàng của Công ty TNHH Thương mại và cơ khí N ở xã An Hưng, A1, Hải Phòng với mức lương 6,5 triệu đồng/tháng. Đào Đức H khai từ 03/03/2021 đến 31/12/2021, H còn làm nhân viên bảo vệ của công ty TNHH vật tư và thiết bị M ở số X đường L, quận N, Hải Phòng với mức lương 3,5 triệu/tháng. Đại diện các công ty đã xác nhận nội dung trên.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra còn thu giữ của Bùi Đình Th một số giấy tờ, con dấu của công ty TNHH đầu tư Thương mại dịch vụ H; Ngô Văn Ph còn khai khoảng tháng 6/2020 Ph còn mua bộ con dấu, giấy tờ của công ty TNHH đầu tư Thương mại dịch vụ và xây dựng H1 để bán trái phép hóa đơn GTGT; Bùi Đình

Th còn khai năm 2018, Bùi Thanh S, Phạm Thị B ở X, Hải Phòng có chào bán giấy tờ, bộ con dấu, 10 quyển hóa đơn của Công ty TNHH H và sang tên giám đốc cho Th nhưng Th không mua, Th yêu cầu hủy bỏ việc Th đứng tên giám đốc công ty Thịnh Hưng. Cơ quan điều tra đã xác minh ba công ty này đều chưa xuất bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước nên không xem xét xử lý đối với Ph, Th về hành vi bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước tại các công ty này.

Về vật chứng của vụ án:

- Các hóa đơn GTGT, chứng từ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị can: Lưu trong hồ sơ vụ án;

- 04 bộ con dấu tròn của các công ty Q, P, N, H, hai dấu chức danh giám đốc Bùi Đình Th, 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Trọng Q, 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Văn D, 01 thiết bị chữ ký số của công ty Q, 01 máy tính xách tay ASUS màu bạc A512FA-E117T, model A512F – chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Tại bản Cáo trạng số 147/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 10 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Ngô Văn Ph, Bùi Đình Th về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Thị Lan H1, Đào Đức H về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Văn Ph;

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, đối với bị cáo Trần Thị Lan H1;

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Đình Th.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Đức H.

Xử phạt:

Ngô Văn Ph: Từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Trần Thị Lan H1: Từ 13 tháng đến 15 tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Bùi Đình Th: Từ 220.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Đào Đức H: Từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”.

Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần nói lời sau cùng các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2020 đến tháng 6/2020, Ngô Văn Ph đã mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu của Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển Thương mại Q của đối tượng tên Hùng (không rõ địa chỉ, lai lịch) để viết khống nội dung mua bán hàng hóa dịch vụ bán cho người môi giới mua bán hóa đơn giá trị gia tăng thu lời. Mặc dù Công ty Q không có bất kỳ hoạt động sản xuất, kinh doanh, trao đổi, mua bán hàng hóa, dịch vụ gì nhưng Ngô Văn Ph đã thuê người viết khống 1.220 số hóa đơn giá trị gia tăng (liên 2) và các chứng từ kèm theo ghi khống tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 344.743.702.804 đồng; các khoản thuế đã nộp tổng cộng là 220.925.031 đồng; trả công cho H là 45 triệu đồng, trả công cho Th là 03 triệu đồng, trả công cho H là 15 triệu đồng; mua



công ty hết 80.000.000 đồng, in hóa đơn hết 8.990.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 213.149.263 đồng.

[2.2] Trong thời gian từ tháng 10/2016 đến tháng 08/2018 Bùi Đình Th đã thành lập 01 công ty P và mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu và 20 quyển hóa đơn giá trị gia tăng (1.000 số hóa đơn của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại dịch vụ tổng hợp N thực hiện hành vi bán trái phép 1.084 hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ kèm theo ghi không tổng số tiền hàng hoá, dịch vụ trên các hoá đơn chưa thuế là 314.192.726.640 đồng. Từ thời gian tháng 11/2020 đến tháng 8/2021, Bùi Đình Th đã giúp sức cho Ngô Văn Ph bán 300 số hóa đơn ghi không số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 82.717.363.636 đồng. Tổng cộng Th thu lợi bất chính là 213.569.303 đồng.

[2.3] Từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2021, Trần Thị Lan H1 đã giúp sức cho Ngô Văn Ph bán trái phép 1.220 số hoá đơn GTGT và các chứng từ kèm theo ghi không tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 344.743.702.804 đồng, thu lợi bất chính là 45.000.000 đồng.

[2.4] Từ tháng 7/2021 đến tháng 12/2021 Đào Đức H giúp sức cho Ngô Văn Ph bán trái phép 430 hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ kèm theo ghi không tổng số tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế là 158.075.930.000 đồng, thu lợi bất chính là 15.000.000 đồng.

[2.5] Như vậy, đủ cơ sở kết luận các bị cáo Ngô Văn Ph, Bùi Đình Th, Trần Thị Lan H1, Đào Đức H phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước” quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát kết luận là có căn cứ, đúng pháp luật.

*- Về tình tiết định khung hình phạt:*

[3] Bị cáo Ngô Văn Ph bán trái phép 1.220 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính 213.149.263 đồng.

[4] Bị cáo Bùi Đình Th bán trái phép tổng số 1.084 hóa đơn GTGT, giúp sức cho bị cáo Ngô Văn Ph bán 300 số hóa đơn; thu lợi bất chính số tiền 213.569.303 đồng.

[5] Bị cáo Trần Thị Lan H1 giúp sức cho Ngô Văn Ph bán trái phép 1220 số hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 45.000.000 đồng.

[6] Bị cáo Đào Đức H giúp sức cho Ngô Văn Ph bán trái phép 430 hóa đơn GTGT, thu lợi bất chính số tiền 15.000.000 đồng.

[7] Do đó, các bị cáo Ngô Văn Ph, Bùi Đình Th bị xét xử theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Trần Thị Lan H1, Đào Đức H bị xét xử theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát truy tố, kết luận là có cơ sở, đúng pháp luật.

[8] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực thuế, tài

chính, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của các tổ chức kinh tế. Trong thời gian qua, tình trạng các đối tượng lợi dụng chính sách của nhà nước để thành lập các công ty nhằm mục đích mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước xảy ra nhiều ở các địa phương, gây bức xúc trong nhân dân. Do đó, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

*- Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:*

[9] Về vai trò: Bị cáo Ngô Văn Ph và bị cáo Bùi Đình Th là người trực tiếp mua lại công ty để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng. Các bị cáo Trần Thị Lan H1 và Đào Đức H thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo, điều hành của bị cáo Ngô Văn Ph. Về khoản thu lợi bất chính: Các bị cáo Ph và Th hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của các công ty do mình điều hành, các bị cáo H và H hưởng lợi thông qua việc trả công của bị cáo Ph. Số tiền hưởng lợi của bị cáo H ít hơn so với bị cáo H. Do đó, đánh giá vai trò của bị cáo Th và Ph là ngang nhau trong vụ án, bị cáo H có vai trò thấp hơn so với các bị cáo Ph và Th, vai trò của bị cáo H thấp nhất trong vụ án.

[10] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành lập nhiều công ty để thực hiện việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng trong khoảng thời gian dài. Việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng thông qua hoạt động của mỗi công ty đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do đó các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với bị cáo Ngô Văn Ph, Trần Thị Lan H1 đều đã bị kết án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên các bị cáo Ph và H phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[11] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bùi Đình Th đã tham gia kháng chiến, bị nhiễm chất độc hóa học được Sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, công nhận tỷ lệ Thương tật vĩnh viễn 31%; được tặng Huân CH chiến công, chiến sĩ giải phóng hạng Ba, Huân CH kháng chiến hạng Ba và Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng nên bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm v, x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Ngô Văn Ph có thời gian tham gia quân đội, bị cáo Đào Đức H có thời gian tham gia quân đội và có mẹ đẻ được tặng Thương huy chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

nên bị cáo Ph, bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[12] Về hình phạt:

[12.1] Đối với các bị cáo Ngô Văn Ph và Trần Thị Lan H1 đều đã bị xử phạt về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước”, song các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với tội danh đã bị xét xử. Do đó, lần phạm tội này của bị cáo Ph và H1 cần phải xử phạt tù mới có tác dụng cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng các bị cáo lại được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều được áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xét giảm nhẹ mức hình phạt. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, xét xử phạt bị cáo H1 ở mức khởi điểm của khung hình phạt và bị cáo Ph trên mức khởi điểm là phù hợp.

[12.2] Các bị cáo phạm tội về xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế, trước khi xét xử các bị cáo Th và H đều có đơn xin được phạt tiền và tự nguyện nộp trước 50.000.000 đồng tại Cục thi hành án dân sự để chứng minh khả năng thi hành hình phạt tiền. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Căn cứ vào tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[13] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với bị cáo Th, H đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên căn cứ Điều 32 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Th, H. Còn đối với bị cáo Ph, H thì các bị cáo có H cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối bị cáo Ph, H.

- Về khoản thu lợi bất chính:

[14] Thông qua việc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Ngô Văn Ph thu được số tiền 213.149.263 đồng, bị cáo Bùi Đình Th thu được số tiền 213.569.303 đồng, bị cáo Trần Thị Lan H1 thu được số tiền 45.000.000 đồng và bị cáo Đào Đức H thu được số tiền 15.000.000 đồng. Trước khi xét xử, các bị cáo đều đã nộp toàn bộ số tiền trên tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Đây là khoản tiền thu lợi bất chính, nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Về những vấn đề liên quan đến vụ án:

[15] Đối với Ngô Văn Đ có hành vi giúp Trần Thị Lan H1 (vợ Đ) rút tiền ở Ngân hàng tại công ty Q nhưng Ngô Văn Đ không biết H1, Ph mua bán hóa đơn

chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước nên Cơ quan điều tra xem xét không xử lý đối với Đức là phù hợp với quy định của pháp luật.

[16] Quá trình điều tra cơ quan điều tra còn thu giữ của Bùi Đình Th một số giấy tờ, con dấu của công ty TNHH đầu tư Thương mại dịch vụ H; Ngô Văn Ph còn khai khoảng tháng 6/2020 Ph còn mua bộ con dấu, giấy tờ của công ty TNHH đầu tư Thương mại dịch vụ và xây dựng H để bán trái phép hóa đơn GTGT; Bùi Đình Th còn khai năm 2018, Bùi Thanh S, Phạm Thị B ở X, Hải Phòng có chào bán giấy tờ, bộ con dấu, 10 quyển hóa đơn của Công ty TNHH H và sang tên giám đốc cho Th nhưng Th không mua, Th yêu cầu hủy bỏ việc Th đứng tên giám đốc công ty T. Cơ quan điều tra đã xác minh ba công ty này đều chưa xuất bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước nên không xem xét xử lý đối với Ph, Th về hành vi bán trái phép hóa đơn chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước tại các công ty này. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Cơ quan điều tra đã xử lý như trên phù hợp với quy định của pháp luật.

[17] Đối với các công ty kê khai sử dụng hóa đơn của các công ty Q, N, P; các đối tượng Thu, Thanh, Vũ, Cường, Công mua hóa đơn đầu ra; các đối tượng Hùng, Dương bán giấy đăng ký kinh doanh, bộ con dấu, hóa đơn, các chứng từ kèm theo của các công ty cho Ph, Th; các đối tượng đứng tên giám đốc các công ty Q, N, những người thực hiện giao dịch tại ngân hàng Cơ quan điều tra chưa điều tra, xác minh lấy lời khai được và các giám đốc đứng tên các công ty Cơ quan điều tra chưa lấy lời khai nên Cơ quan điều tra có quyết định tách rút hồ sơ tài liệu để xác minh điều tra làm rõ xử lý sau. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Cơ quan điều tra đã xử lý các trường hợp như trên phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về xử lý vật chứng:

[18] Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố Hải Phòng đã thu giữ:

01 máy tính xách tay ASUS màu bạc A512FA-E117T, model A512F; 04 bộ con dấu tròn của các công ty Q, P, N, Hg Dũng; 02 dấu chức danh giám đốc Bùi Đình Th; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Trọng Q; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Văn D; 01 thiết bị chữ ký số của công ty Q ký hiệu L61912014052. Đây là các công cụ được các bị cáo dùng vào việc phạm tội, do đó đối với chiếc máy tính có giá trị sử dụng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước, đối với các vật chứng còn lại không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí:

[19] Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị

cáo Ngô Văn Ph 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trần Thị Lan H1 12 (mười hai) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Đình Th 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Bị cáo Bùi Đình Th đã nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000870 ngày 20/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Bùi Đình Th còn phải nộp 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58 và Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Đào Đức H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”. Bị cáo Đào Đức H đã nộp 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000863 ngày 19/12/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bị cáo Đào Đức H còn phải nộp 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Tiếp tục áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Ngô Văn Ph, Trần Thị Lan H1. Thời hạn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo không quá thời hạn kể từ khi tuyên án cho đến thời điểm các bị cáo Ph, H đi chấp hành án phạt tù.

*Về thu lợi bất chính và xử lý vật chứng:* Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước:

+ 01 máy tính xách tay ASUS màu bạc A512FA-E117T, model A512F;

+ Số tiền 213.149.263 đồng do bị cáo Ngô Văn Ph đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000686 ngày 24/10/2022; số tiền 45.000.000 đồng do bị cáo Trần Thị Lan H1 đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000687 ngày 24/10/2022; số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo Đào Đức H đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000688 ngày 24/10/2022 và số tiền 213.569.303 đồng do bị cáo Bùi Đình Th đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000587 ngày 28/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- Tịch thu, tiêu hủy:

+ 04 bộ con dấu tròn của các công ty Q, P, N, Hg Dũng;

+ 02 dấu chức danh giám đốc Bùi Đình Th; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Trọng Q; 01 dấu chức danh giám đốc Nguyễn Văn D;

+ 01 thiết bị chữ ký số của công ty Q ký hiệu L61912014052

(Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 30/9/2022 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng).

*Về án phí:* Các bị cáo Ngô Văn Ph, Trần Thị Lan H1, Bùi Đình Th, Đào Đức H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

*Về quyền kháng cáo Bản án:* Các bị cáo (có mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 - TAND tối cao;
- Phòng KTNV và THA TAND TP Hải Phòng;
- Phòng PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Cơ quan thi hành án hình sự TP Hải Phòng;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Tuyên**